

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG TÈ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2020

(V/v: *Ly hôn*).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Xuân Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Xuân Định.

Ông: Phạm Hùng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Tè.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Chín - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn sơ thẩm thụ lý số: 13/2020/TLST - HNGĐ ngày 27/4/2020 về việc: Yêu cầu xin ly hôn , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐST - HNGĐ ngày 06/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Khoảng Thị T - Sinh ngày 25/05/1985

- Nơi ĐKKHKT: Khu phố 7 thị trấn huyện T, tỉnh C.

- Nghề nghiệp: Giáo viên

- Đơn vị công tác: Phòng giáo dục và đào tạo huyện T, tỉnh C - Có mặt.

2. Bị đơn: Hoàng Trung S - Sinh ngày 19/02/1983

- Nơi ĐKKHKT: Khu phố 7 thị trấn huyện T, tỉnh C.

- Nghề nghiệp: Cán bộ.

- Đơn vị công tác: Phòng Văn hóa huyện T, tỉnh C - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Khoảng Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Trung S kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, tỉnh C, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, gây gổ, thậm chí đánh, chửi nhau, nguyên nhân là do hai vợ chồng hiểu lầm nhau trong mối quan hệ cuộc sống. Từ năm 2018 chị đã đưa hai con là Hoàng Quốc K và Hoàng Anh T về sống chung với cha mẹ ruột ở khu phố 7 thị trấn M, huyện T. Nay chị nhận thấy không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với anh S, cuộc sống hôn nhân với anh S không có hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Hoàng Quốc K sinh ngày 02/9/2008 và Hoàng Anh T sinh ngày 14/4/2016 (hiện 02 cháu đang sống với chị). Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, Chị yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định là không tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Trung S trình bày: Anh hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống từ khi đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng hơn hai năm nay vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên cự cãi nhau; nguyên nhân là do anh hay ghen tuông vô cớ chị T không đồng ý nên vợ chồng gây gổ. Bản thân anh nhận thấy việc thường xuyên gây gổ với vợ con là không đúng, anh vẫn còn thương chị T, anh mong chị T cho anh cơ hội sửa đổi. Tuy nhiên, nếu chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Hoàng Quốc K sinh ngày 02/9/2008 và Hoàng Anh T sinh ngày 14/4/2016 (hiện 02 cháu đang sống với chị T). Khi ly hôn, anh xin được nuôi 01 con chung sau ly hôn, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định là không tranh chấp, hai vợ chồng tự thỏa thuận anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 20/3/2020 và Biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2020 của cháu Hoàng Quốc K đều trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Khoảng Thị T và em là Hoàng Anh T.

Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn Khoảng Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và nuôi con chung; cấp dưỡng nuôi con; Bị đơn Hoàng Trung S không nhất trí ly hôn, nếu phải ly hôn thì có nguyện vọng được nuôi 01 (Một) con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng về nhiệm

vụ, quyền hạn của mình theo Điều 28, Điều 35 và Điều 39, 48, 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án (Các điều 239, 243, 247, 248, 249, 250, 251, 260 BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 điều 28 BLTTDS, các điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; điều 147 BLTTDS; điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH đề nghị HĐXX: Chấp nhận chỉ Khoảng Thị T được ly hôn anh Hoàng Trung S; Quyết định giao con chung cho nguyên đơn Khoảng Thị T và bị đơn Hoàng Trung S mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung theo quy định; Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung không đề nghị xem xét; Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh C.

[2]. Về nội dung: Chị T và anh S kết hôn từ năm 2007, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh S hay ghen tuông, luôn kiểm chuyện gây gổ với vợ con. Tại phiên tòa hôm nay, chị T xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống với anh S và có yêu cầu được ly hôn anh S. Về phía anh S cũng thừa nhận là có việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau. Nay anh S nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị T và mong chị T cho anh cơ hội để sửa đổi; tuy nhiên nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh S cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh S không có sự sẻ chia, cảm thông cho nhau, tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu được ly hôn anh S là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi 02 con chung. Về phía anh S cũng có nguyện vọng nuôi 01 con. Hội đồng xét xử xét thấy; giữa chị T và anh S còn tranh chấp về nuôi con, để phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con trong sinh hoạt, học tập nên Hội đồng xét xử giao 02 (Hai) con cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi đủ tròn 18 tuổi. Anh S có quyền,

nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.000.000 đồng/1 con/1 tháng. Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của chị T là chính đáng, nên cần chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự chị T và anh S cùng xác định là không tranh chấp, hai vợ chồng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật; Bị đơn Hoàng Trung S là người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hôn nhân, cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Tuy nhiên về ý kiến giao con chung cho nguyên đơn Khoảng Thị T và bị đơn Hoàng Trung S mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Khoảng Thị T được ly hôn anh Hoàng Trung S.
2. Về con chung: Giao 02 (Hai) con chung là Hoàng Quốc K sinh ngày 02/9/2008 và Hoàng Anh T sinh ngày 14/4/2016 cho chị Khoảng Thị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành đủ tròn 18 tuổi. Anh S có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh s không trực tiếp nuôi con, phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền là 2.000.000 đồng/02 con/01 tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

4. Về tài sản, nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Khoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào tiền Tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh C theo biên lai số: AA/2010/0003851 ngày 24/4/2020; Bị đơn Hoàng trung S có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Mường Tè
- CCTHADS huyện Mường Tè
- Các đương sự.
- UBND thị trấn Mường Tè.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lò Xuân Hải